

Số: 2665754

	SINOTRUK 6x4	THACO Linker T2-5.0 - Thùng mui bạt - Tôn đen
Giá niêm yết:	1.275.000.000đ	422.000.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	7.040 x 2.500 x 3.885 mm	5.545 x 2.050 x 2.910 mm
Chiều dài cơ sở	3.200 + 1.400 mm	2.800 mm
Vết bánh xe trước/sau	2.040/1.860 mm	1.490/ 1.535 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	9.135 kg	2.765 kg
Khối lượng chở cho phép	14.735 kg	1.990 kg
Khối lượng toàn bộ	24.000 kg	4.950 kg
Khối lượng kéo theo	38.735 kg	
Số chỗ ngồi	2 chỗ	3 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	WEICHAI WP12.430E50	WEICHAI - WP2.3Q110E50
Loại động cơ	Diesel, 6 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử (ECU)/	Diesel, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	11.596 cc	2.289 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	430/1.900 Ps/(vòng/phút)	110/ 3.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	2.060/1.000-1.400 N.m/(vòng/phút)	280/ 1.600 ~ 2.400 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực khí	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không
Hộp số	FAST GEAR 12JSDX220TA-B (12 số tiến, 02 số lùi)	Cơ khí, 5 số tiến và 1 số lùi
Tỷ số truyền	ih1 = 12,1; ih2 = 9,52; ih3 = 7,31; ih4 = 5,71; ih5 = 4,46; ih6 = 3,48; ih7 = 2,71; ih8 = 2,13; ih9 = 1,64; ih10 = 1,28; ih11 = 1,00; ih12 = 0,78; iR1= 11,56; iR2 = 2,59	ih1=5,595; ih2=2,848; ih3=1,538; ih4=1,000; ih5=0,794; iR=5,347
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Tang trống, khí nén 2 dòng, ABS	Tang trống, Thủy lực, 2 dòng, trợ lực chân không, có ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Nhíp ít lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
Sau	Nhíp ít lá, balance mỡ, thanh giằng chữ V	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	12R22.5	6.50R16
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	54,8 %	33,2 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	7,5 m	5,94 m
Tốc độ tối đa	101 km/h	96 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	400 lít	80 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trục vít ecu-bi, trợ lực thủy lực	Trục vít - Êcu bi, trợ lực thủy lực